

Số: **08** /2022/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **04** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP
ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan
chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân
dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 116/TTr-SNV ngày 21
tháng 3 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi Khoản 2, Điều 3, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra VB);
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Ng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn

QUY ĐỊNH

**Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái**
(Kèm theo Quyết định số **08** /2022/QĐ-UBND
ngày **04** tháng **4** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái là cơ quan chuyên môn ngang sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh;

- Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc cho Ban Dân tộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực công tác dân tộc và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lĩnh vực công tác dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban hành quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì, quản lý, chỉ đạo; các chính sách, đề án, công tác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết công tác xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và công tác khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu, tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu xuất sắc: trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc; trong lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xác định xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển; các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; quyết định công nhận, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện; công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về công tác dân tộc, các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số, xem xét giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ công chức, viên chức dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm hợp lý cơ cấu tỷ lệ thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

14. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức biểu dương, tuyên dương giáo viên; học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

15. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Ban Dân tộc, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Ban Dân tộc; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

17. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Lãnh đạo Ban

1. Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 02 Phó Trưởng ban.
2. Trưởng Ban Dân tộc là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu Ban Dân tộc, do Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; có trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Phó Trưởng Ban Dân tộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo phân cấp quản lý cán bộ, giúp Trưởng ban thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Trưởng ban phân công; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm thay Trưởng ban điều hành các hoạt động của Ban Dân tộc. Phó Trưởng ban không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc bổ nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp quản lý về công tác cán bộ, theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban Dân tộc quy định.

5. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban Dân tộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Nghiệp vụ;
- c) Phòng Chính sách, tuyên truyền.

Việc bổ nhiệm số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc căn cứ theo quy định hiện hành để thực hiện (dưới 08 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 08 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng).

2. Về biên chế:

a) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Ban Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế, số lượng người làm việc, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 5. Đối với Ủy ban Dân tộc

Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý ngành, lĩnh vực trong cả nước. Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động, công tác chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 6. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo trực tiếp và quản lý về tổ chức, biên chế và toàn bộ hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trưởng ban Dân tộc có trách nhiệm báo cáo theo quy định và tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác do Ban phụ trách trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Dân tộc có trách nhiệm là cầu nối giữa Ủy ban Dân tộc với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phối hợp để tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, thống nhất nội dung, biện pháp thực hiện, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc tại địa phương.

Điều 7. Đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Dân tộc, bộ phận làm công tác dân tộc cấp huyện

1. Đối với các sở, ban, ngành:

Mối quan hệ giữa Ban Dân tộc với các sở, ban, ngành là mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có liên quan đến các sở, ban, ngành để thực hiện và ngược lại, Ban Dân tộc có trách nhiệm phối hợp thực hiện, cung cấp thông tin, tài liệu, có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban cho các sở, ban, ngành khi có đề nghị của các sở, ban, ngành hoặc yêu cầu của cấp trên.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Dân tộc, bộ phận làm công tác dân tộc cấp huyện:

Mối quan hệ giữa Ban Dân tộc với Ủy ban nhân dân cấp huyện là mối quan hệ phối hợp trong tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên địa bàn cấp huyện; phối hợp trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Dân tộc, bộ phận làm công tác dân tộc cấp huyện và các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Dân tộc, bộ phận làm công tác dân tộc cấp huyện.

2. Căn cứ quy định này, Trưởng Ban Dân tộc chỉ đạo thực hiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ban; rà soát đề xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban. Bố trí, sắp xếp công chức phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật; xây dựng Quy chế làm việc của Ban để thực hiện hiệu quả các nội dung trong Quy định này.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy định

Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc có văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước cấp trên điều chỉnh về lĩnh vực này. Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh./.